

Bản án số: 46/2022/HS-ST
Ngày 22-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Đới

Bà Khúc Thị Minh

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Q, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1993; đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Thôn K, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N1, sinh năm 1960 và bà Đào Thị C1, sinh năm 1958; có vợ là Đỗ Nhật L2, sinh năm 1996 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2013; tiền án: Bản án số 04/2014/HSST ngày 10/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện A xử phạt Lê Văn Q 42 tháng tù về tội “Hiếp dâm” (chưa xóa án tích); Bản án số 12/2017/HSST ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân quận K1 xử phạt Lê Văn Q 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chưa xóa án tích); Bản án số 49/2019/HSST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xử phạt Lê Văn Q 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2022, chuyển tạm giam từ ngày 14/4/2022, có mặt.

2. Trịnh Văn T, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1989; đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình

độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn T2, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị B1, sinh năm 1962; chung sống như vợ chồng với Lê Thị T3, sinh năm 1999; có 01 con sinh năm 2017; tiền án: Bản án số 24/2018/HSST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện A xử phạt Trịnh Văn T 54 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 07/2007/HSST ngày 30/01/2007 của Tòa án nhân dân huyện A xử phạt Trịnh Văn T 27 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (đã xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2022, chuyển tạm giam từ ngày 14/4/2022, có mặt.

3. Đỗ Văn L, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1993; đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T4, sinh năm 1965 và bà Bùi Thị H2, sinh năm 1969; có vợ là Dương Thị Thu H1, sinh năm 1997; có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Bản án số 15/2017/HSST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T xử phạt Đỗ Văn L 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/6/2022, có mặt.

4. Đỗ Văn H, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1989; đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H3, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1957 (đã chết); có vợ là Phạm Thị T6, sinh năm 1995; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05/4/2022 đến ngày 14/4/2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, ngày 12/5/2022 bị bắt tạm giam theo Lệnh bắt của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Bị hại:

- Chị Bùi Thị A, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Chị Vũ Thị M, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua rà soát Camera trên địa bàn, ngày 05/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K triệu tập Lê Văn Q, Trịnh Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Văn L lên làm

việc. Quá trình điều tra, làm rõ các bị cáo đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện K, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 09/3/2022, tại nhà Trịnh Văn T ở xã M, huyện A; Đỗ Văn L rủ T và Đỗ Văn H sang huyện K đi lang thang tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản, T và H đồng ý. T điều khiển xe mô tô Wave S màu đỏ gắn BKS 16L8-3883 chở H, L đến khu vực thôn P, xã T, huyện K. L thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Jupiter màu xanh trắng BKS 15F1-174.34 của chị Bùi Thị A, sinh năm 1994, trú tại thôn P, xã T, xe vẫn đang cấm chìa khóa, để ở trước cửa nhà không có người trông coi, L nói “quay xe lại đi”, T hiểu sẽ trộm cắp xe mô tô trên nên điều khiển xe quay lại và dừng xe gần với xe mô tô của chị A. L xuống xe, dắt xe của chị A ra ngoài rồi nổ máy và điều khiển xe đi thẳng về nhà T. Do có nhu cầu sử dụng xe vừa lấy được của chị A nên L đưa cho T, H mỗi người 1.000.000 đồng, sau đó L thay BKS xe mô tô 15F1-174.34 thành BKS 15B1-438.97, sơn lại xe thành màu đen để tránh bị phát hiện và dùng làm phương tiện đi lại. Ngày 10/3/2022, chị Bùi Thị A có đơn trình báo vụ việc trên.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 23/3/2022, cũng tại nhà Trịnh Văn T, T rủ H và Lê Văn Q đi sang huyện K trộm cắp tài sản, H, Q đồng ý. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô Exciter màu đen gắn BKS 15H1-201.94 chở Q, H đến khu vực nhà anh Nguyễn Ích Hợi, sinh năm 1976, tại thôn N, xã Đ, huyện K. Q nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Sirius BKS 15F1-139.95 màu trắng, chìa khóa vẫn cấm ở ổ khóa của chị Vũ Thị M, sinh năm 1971, trú tại thôn T, xã N, huyện K đang dựng ở lề đường trước cửa nhà anh Hợi. Q chỉ cho H, T và nói quay lại trộm cắp chiếc xe trên, H đồng ý. T điều khiển xe quay lại, dừng xe sát cạnh xe mô tô của chị M; H xuống xe, mở khóa rồi điều khiển xe chạy thẳng về nhà T. T bảo H điều khiển xe đến quán mua bán xe của anh Đỗ Văn Nam, sinh năm 1990, ở thôn Lang Thượng, xã M, huyện A, bán được 1.500.000 đồng, cả ba cùng chi tiêu hết. Ngày 01/4/2022, T đem xe mô tô Exciter màu đen gắn BKS 15H1-201.94 đến nhà anh Lưu Đình Đ1, sinh năm 1990, trú tại thôn Q, xã A2, huyện A để cầm cố.

Ngày 23/3/2022, chị Vũ Thị M có đơn trình báo về vụ việc trên.

Ngày 10/3/2022, Công an xã T thu giữ, niêm phong 01 USB, lưu trữ 02 đoạn video do chị Bùi Thị A sao lưu từ camera an ninh của gia đình, ghi nhận hành vi trộm cắp xe mô tô vào ngày 09/3/2022.

Ngày 05/4/2022, Cơ quan điều tra tạm giữ tại nơi ở của T một số tài sản, gồm:

01 xe mô tô Ivinnerx màu đen BKS 15D1-330.65.

01 xe mô tô Wave màu đen gắn BKS 30N8-1690.

01 xe mô tô Wave Alpha màu xanh dương không có BKS.

01 xe mô tô Wave Alpha màu xanh đen BKS 16F7-2640.

01 xe Wave S màu đỏ gắn BKS 16L8-3883.

02 ví da màu đen, 03 điện thoại di động (02 điện thoại Oppo, 01 điện thoại Samsung), 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 mũ bảo hiểm màu đen.

Ngày 06/4/2022, Cơ quan điều tra tạm giữ tại nơi ở của L: 01 xe Jupiter màu đen gắn BKS 15B1-438.97. Anh Lưu Đình Đ1 tự nguyện giao nộp 02 xe mô tô, gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu đen, gắn BKS 15H1-201.94 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ không có biển kiểm soát.

Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 04/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius màu trắng - đen, BKS 15F1-139.95, chứng nhận đăng ký xe số 013107 ngày 10/4/2014, trị giá 3.500.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 03/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter màu trắng - xanh, BKS 15F1-174.34, chứng nhận đăng ký xe số 002472 ngày 09/4/2015, trị giá 5.700.000 đồng.

Kết luận giám định số 412/KL-KTHS(SKM) ngày 29/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận:

Xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha mang BKS 30N8-1690, có số khung RLHJC4320BY496373 và số máy: JC43E-6454404 là số nguyên thủy của nhà sản xuất đóng, không bị tẩy xóa hay sửa chữa các ký tự. Biển kiểm soát 30N8-1690 gửi giám định là giả.

Xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha mang BKS 15B1-438.97, có số khung RLCJ1PB30FY070698 và số máy 1PB3-070674 là số nguyên thủy của nhà sản xuất đóng, không bị tẩy xóa hay sửa chữa các ký tự. Biển kiểm soát 15B1-438.97 gửi giám định là thật.

Xe mô tô, nhãn hiệu Honda mang BKS 16L8-3883, có số khung RLHHC12039Y079952 và số máy HC12E-1632786 là số nguyên thủy của nhà sản xuất đóng, không bị tẩy xóa hay sửa chữa các ký tự. Biển kiểm soát 16L8-3883 gửi giám định là thật.

Xe mô tô mang BKS 16F7-2640, có số khung DY100A8018490 và số máy 150FM8018490 là số nguyên thủy của nhà sản xuất đóng, không bị tẩy xóa hay sửa chữa các ký tự. Biển kiểm soát 16F7-2640 gửi giám định là thật.

Xe mô tô, nhãn hiệu Honda, không mang biển kiểm soát, có số khung RLHKC3714LY009385 và số máy KC34E1108844 là số nguyên thủy của nhà sản xuất đóng, không bị tẩy xóa hay sửa chữa các ký tự.

Xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha mang BKS 15H1-201.94, có số khung và số máy bị mài xóa, không xác định được số khung, số máy nguyên thủy của xe. Biên kiểm soát 15H1-201.94 gửi giám định là thật.

Kết luận giám định số 311/KL-KTHS(KTS) ngày 01/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: 02 tập tin video tổng dung lượng 727 Kb lưu trong 01 USB nhãn hiệu Apacer đã qua sử dụng không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung. Trích xuất 08 hình ảnh nghi liên quan đến vụ việc được lập thành bản ảnh kèm theo.

Đối với 01 xe mô tô Wave Alpha màu xanh dương không có BKS và 01 xe mô tô Wave màu đỏ không có biển kiểm soát, liên quan đến 02 vụ trộm cắp xe mô tô tại huyện T, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K đã chuyển 02 xe này đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với 01 xe mô tô Ivinnerx màu đen BKS 15D1-330.65, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Trịnh Văn T7 (anh trai T), sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã M, huyện A là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 xe Jupiter màu đen các bị cáo trộm cắp của chị A, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị A là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 xe mô tô Wave màu đen gắn BKS 30N8-1690; 01 xe mô tô Wave Alpha màu xanh đen BKS 16F7-2640; 01 xe Wave S màu đỏ gắn BKS 16L8-3883; 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu đen, gắn BKS 15H1-201.94 (thu giữ tại nhà ông Đ1), các bị cáo khai xe do mượn của bạn bè quen biết xã hội; 02 ví da màu đen, 02 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, 01 mũ bảo hiểm màu đen và biển kiểm soát 15B1-438.97, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, chưa làm rõ được chủ sở hữu nên tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 37/CT-VKSKT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Lê Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trịnh Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, các bị cáo còn khai nhận thực hiện một số vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện A, huyện T, Cơ quan cảnh sát điều tra đã có công văn trao đổi với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với hành vi của Lưu Đình Đ1 nhận cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ không có biển kiểm soát, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với hành vi của Đỗ Văn N1 có hành vi mua bán xe của các bị cáo nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng đối với các bị cáo Lê Văn Q, Trịnh Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Văn L và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn Q từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù;

+ Khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Văn T từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù;

+ Khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn L từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù;

+ Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn H từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù;

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, các bị cáo PH nộp án phí theo quy định.

Về dân sự: Bị hại là chị Bùi Thị A, Vũ Thị M đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và nhận bồi thường đầy đủ, không có yêu cầu, đề nghị nào khác nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng là 01 mũ vải lưỡi trai màu đen của bị cáo T.

- Ý kiến của các bị cáo Lê Văn Q, Trịnh Văn T, Đỗ Văn L, Đỗ Văn H: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là đúng; các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

Tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn Q, Trịnh Văn T, Đỗ Văn L, Đỗ Văn H khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được, biên bản xác định hiện trường, bản kết luận định giá cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Ngày 09/3/2022, tại thôn P, xã T, huyện K, các bị cáo Trịnh Văn T, Đỗ Văn L và Đỗ Văn H lén lút chiếm đoạt của chị Bùi Thị A 01 xe mô tô nhãn hiệu Jupiter màu xanh trắng BKS 15F1-174.34, trị giá 5.700.000 đồng. Ngày 23/3/2022, tại thôn N, xã Đ, huyện K, các bị cáo Lê Văn Q, Trịnh Văn T và Đỗ Văn H lén lút chiếm đoạt của chị Vũ Thị M 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius BKS 15F1-139.95 màu trắng đen, trị giá 3.500.000 đồng. Các bị cáo Lê Văn Q, Trịnh Văn T, Đỗ Văn L, Đỗ Văn H là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do nhu cầu cá nhân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo Q, T, L, H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

- Bị cáo Lê Văn Q thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 xe mô tô BKS 15F1-139.95 trị giá 3.500.000 đồng, tuy nhiên nhân thân bị cáo đã có 03 tiền án chưa được xóa án tích thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội, do vậy hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Hành vi phạm tội của các bị cáo Trịnh Văn T, Đỗ Văn L, Đỗ Văn H không vi phạm các tình tiết định khung nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- + Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn Q không vi phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Bị cáo Trịnh Văn T thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản vào ngày 09/3/2022 và ngày 23/3/2022 trong đó mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm đồng thời nhân thân bị cáo có 01 tiền án về tội “Cướp giật tài sản” chưa được xóa án tích, do vậy bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm” quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Đỗ Văn L nhân thân có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích thì lại phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Đỗ Văn H thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản vào ngày 09/3/2022 và ngày 23/3/2022 trong đó mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo tỏ ra thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho tất cả các bị cáo. Tại phiên tòa, các bị cáo Q, T, H đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại là chị Vũ Thị M số tiền 3.500.000 đồng, chị M không còn yêu cầu, đề nghị nào khác. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng cho cả ba bị cáo Q, T, H. Ngoài ra bị cáo Lê Văn Q có bố đẻ là thương binh hạng $\frac{1}{4}$ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nên cần xét xử nghiêm.

Đây là vụ án có đồng phạm, do vậy cần thiết phải phân hoá vai trò đối với từng bị cáo để có mức án công bằng, tương xứng với hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo.

Đối với vụ trộm cắp tài sản ngày 09/3/2022 bị cáo L phạm tội với vai trò là người đề xuất đồng thời là người thực hành tích cực, trực tiếp lấy tài sản và sử dụng tài sản trộm cắp được; bị cáo T, H phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức.

Đối với vụ trộm cắp tài sản ngày 23/3/2022 thì bị cáo T phạm tội với vai trò là người đề xuất đồng thời cũng là người thực hành tích cực, dùng xe máy chở các bị cáo khác đi trộm cắp tài sản; bị cáo H, Q phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức trong đó bị cáo H là người trực tiếp trộm cắp tài sản đồng thời là người mang

tài sản đi tiêu thụ; bị cáo Q là người phát hiện và chỉ cho đồng bọn tài sản để trộm cắp, cả ba đều ăn tiêu chung số tiền bán tài sản trộm cắp.

Như vậy mặc dù các bị cáo L, T là người đề xuất việc trộm cắp tài sản nhưng do nhân thân bị cáo Q có 03 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” và bị cáo bị truy tố, xét xử theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên mức án của bị cáo Q phải cao hơn nhiều so với các bị cáo khác và phải ở mức cao của khung hình phạt. Bị cáo T phạm tội với vai trò là người đề xuất, lại có hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên mức án của bị cáo T phải ở mức cao của khung hình phạt, thấp hơn so với bị cáo Q nhưng cao hơn so với các bị cáo L, H. Các bị cáo L, H đều có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo L phạm tội 01 lần nhưng thuộc trường hợp tái phạm và là người đề xuất, bị cáo H phạm tội 02 lần nhưng nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Do đó Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của hai bị cáo L, H cơ bản ngang nhau nên mức án ngang nhau và trên khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy tài liệu xác minh thể hiện các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về dân sự: Bị hại là chị Bùi Thị A vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ thể hiện đã được nhận lại tài sản đầy đủ, không có yêu cầu bồi thường nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị hại là chị Vũ Thị M đã nhận bồi thường đầy đủ, không có yêu cầu, đề nghị nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 mũ lưỡi trai màu đen của bị cáo T. Đây là dụng cụ, phương tiện bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn Q 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 05/4/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 05/4/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn L 21 (hai mươi một) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 16/6/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 21 (hai mươi một) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 12/5/2022, trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ từ ngày 05/4/2022 đến ngày 14/4/2022.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử: Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ lưỡi trai màu đen.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng)

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Lê Văn Q, Trịnh Văn T, Đỗ Văn L, Đỗ Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại là chị Vũ Thị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại là chị Bùi Thị A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND; TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Phòng PV06; PC10 Công an Hải Phòng
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã A1, huyện A;
- UBND xã M, huyện A;
- Bị cáo; bị hại;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang